

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 11.3.2023

KHI NĂNG TRI CŨNG LÀ SỞ TRI
Kinh Chủng Trí II (Dutiyañāṇavatthusuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Kalārakhattiya (S. ii, 59)

Cái biết thật sự khách quan khi ngay chính cái biết được quán chiếu như vạn pháp khác. Tuệ hội quán là điều được đề cập rõ trong Thắng Pháp Tạng. Trong Kinh Tạng cũng nhắc nhiều trường hợp như Tôn giả Sāriputta ở mỗi tầng thiền chứng có khả năng nhìn lại sở đắc thấy rõ tâm định cũng là sản phẩm của tâm thức, cũng là hữu vi pháp, cũng vô thường hoại diệt, từ đó, vượt lên trên không chấp thủ cái đã thành tựu.

Một ảo giác khác của tâm thức là khái niệm về thời gian: hiện tại có thể không hoàn hảo nhưng tương lai sẽ hoàn hảo. Hoặc quá khứ từng là “thời hoàng kim” bây giờ hoài niệm với sự tưởng tiếc. Thật ra bản chất “do duyên sanh thì phải hoại diệt” là bản chất nhất như vốn không thay đổi theo thời gian. Phải hiểu biết như vậy mới xa lìa chấp thủ.



Kinh Văn

Sāvattiyam viharati...pe... “sattasattari vo, bhikkhave, ñāṇavatthūni desessāmi. Tam suṇātha, sādhuḥkaṃ manasi karotha; bhāsissāmi”ti. “Evam, bhante”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

Tại Sāvatti.

-- Nay chư Tỳ Khru, Ta sẽ thuyết cho các thầy về bảy mươi bảy chủng trí. Hãy lắng nghe và suy nghiệm, Ta sẽ nói. Thế nào là bảy mươi bảy chủng trí?

“Katamāni, bhikkhave, sattasattari ñāṇavatthūni? Jātipaccayā jarāmarañanti ñāṇaṃ; asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; atītampi addhānaṃ jātipaccayā jarāmarañanti ñāṇaṃ, asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; anāgatampi addhānaṃ jātipaccayā jarāmarañanti ñāṇaṃ, asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ tampi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammanti ñāṇaṃ.

Trí biết: già chết do duyên sanh. Trí biết: không có sanh thời không có già, chết. Trí biết: trong quá khứ già chết cũng do duyên sanh. Trí biết: trong quá khứ cũng vậy nếu không có sanh thời không có già chết. Trí biết: trong tương lai già chết cũng do duyên sanh. Trí biết: trong tương lai cũng vậy không có sanh thời sẽ không có già chết. Trí biết: cái biết về tính không thay đổi của pháp cũng biến mất, suy tàn, tan biến và diệt tận.

“Bhavapaccayā jātīti ñāṇaṃ...pe... upādānapaccayā bhavoti ñāṇaṃ... taṇhāpaccayā upādānanti ñāṇaṃ... vedanāpaccayā taṇhāti ñāṇaṃ... phassapaccayā vedanāti ñāṇaṃ... saḷāyatanapaccayā phassoti ñāṇaṃ... nāmarūpapaccayā saḷāyatananti ñāṇaṃ... viññāṇapaccayā nāmarūpanti ñāṇaṃ... saṅkhārapaccayā viññāṇanti ñāṇaṃ; avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; atītampi addhānaṃ avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; anāgatampi addhānaṃ avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ tampi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammanti ñāṇaṃ. Imāni vuccanti, bhikkhave, sattasattari ñāṇavatthūnī”ti. Catutthaṃ.

Trí biết: sanh do duyên hữu...

Trí biết: hữu do duyên thủ...

Trí biết: thủ do duyên ái...

Trí biết: ái do duyên thọ...

Trí biết: thọ do duyên xúc...

Trí biết: xúc do duyên sáu xứ...

Trí biết: sáu xứ do duyên danh sắc...

Trí biết: danh sắc do duyên thức...

Trí biết: thức do duyên hành...

Trí biết: hành do duyên vô minh. Trí biết: không có vô minh thời không có hành. Trí biết: trong quá khứ hành cũng do duyên vô minh. Trí biết: trong quá khứ cũng vậy nếu không có vô minh thời không có hành. Trí biết: trong tương lai hành cũng do duyên vô minh. Trí biết: trong tương lai cũng vậy không có vô minh thời không có hành. Trí biết: cái biết về tính không thay đổi của pháp cũng biến mất, suy tàn, tan biến và diệt tận.

-- Nay chư Tỳ Khuru, đây gọi là bảy mươi bảy căn bản của trí.

Chú Thích

Theo Sớ Giải thuận ngữ dhammaṭṭhitiñāṇa – trí tuệ hiểu tánh thường trụ của pháp – là trí tuệ hiểu về duyên sinh vốn là bản chất mà quá khứ, hiện tại, tương lai đều như nhau không khác hơn. (pavattitṭhitikāraṇattā).

Trí thứ bảy này là khả năng quán chiếu sáu thứ trí kia cũng vô thường hoại diệt. Sớ Giải gọi đây là “minh sát tuệ minh sát (vipassanā-paṭivipassanā)”. Điều nên lưu ý là tuệ này không được nhắc tới trong Thanh Tịnh Đạo.

Tuệ giác cũng là pháp hữu vi, cũng chịu sự chi phối của vô thường. Điều này là điểm cần biết vì một số người cho rằng cái còn lại sau hết của hành trình tu tập là tuệ quả hay “đại viên cảnh trí” và cho đó là niết bàn. Kỳ thật thì dù tuệ giác cũng vẫn thuộc ngũ uẩn chứ không phải niết bàn.

Tỳ khuru Giác Đăng soạn dịch

4. Dutiyāñānavatthusuttaṃ

34. Sāvattiyam viharati...pe... “sattasattari vo, bhikkhave, ñānavatthūni desessāmi. Tam suṇātha, sādhuḥkaṃ manasi karotha; bhāsissāmī”ti. “Evam, bhante”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Katamāni, bhikkhave, sattasattari ñānavatthūni? Jātipaccayā jarāmarañanti ñāṇaṃ; asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; atītampi addhānaṃ jātipaccayā

jarāmarañanti ñāṇaṃ, asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; anāgatampi addhānaṃ jātipaccayā jarāmarañanti ñāṇaṃ, asati jātiyā natthi jarāmarañanti ñāṇaṃ; yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ tampi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammanti ñāṇaṃ.

“Bhavapaccayā jāṭīti ñāṇaṃ...pe... upādānapaccayā bhavoti ñāṇaṃ... taṇhāpaccayā upādānanti ñāṇaṃ... vedanāpaccayā taṇhāti ñāṇaṃ... phassapaccayā vedanāti ñāṇaṃ... saḷāyatanapaccayā phassoti ñāṇaṃ... nāmarūpapaccayā saḷāyatananti ñāṇaṃ... viññāṇapaccayā nāmarūpanti ñāṇaṃ... saṅkhārapaccayā viññāṇanti ñāṇaṃ; avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; atītampi addhānaṃ avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; anāgatampi addhānaṃ avijjāpaccayā saṅkhārāti ñāṇaṃ, asati avijjāya natthi saṅkhārāti ñāṇaṃ; yampissa taṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ tampi khayadhammaṃ vayadhammaṃ virāgadhammaṃ nirodhadhammanti ñāṇaṃ. Imāni vuccanti, bhikkhave, sattasattari ñāṇavatthūnī”ti. Catutthaṃ.

4. Dutiyāñāṇavatthusuttavaṇṇanā

34. Catutthe **sattasattarīti** satta ca sattari ca. Byañjanabhāṇakā kira te bhikkhū, bahubyañjanaṃ katvā vuccamāne paṭivijjhitaṃ sakkonti, tasmā tesam ajjhāsayena idaṃ suttaṃ vuttaṃ. **Dhammaṭṭhitiñāṇanti** paccayākāre ñāṇaṃ. Paccayākāro hi dhammānaṃ pavattiṭṭhitikāraṇattā dhammaṭṭhitīti vuccati, ettha ñāṇaṃ dhammaṭṭhitiñāṇaṃ, etasseva chabbidhassa ñāṇassetam adhivacanaṃ. **Khayadhammanti** khayagamanasabhāvaṃ. **Vayadhammanti** vayagamanasabhāvaṃ. **Virāgadhammanti** virajjanasabhāvaṃ. **Nirodhadhammanti** nirujjhanasabhāvaṃ. **Sattasattarīti** ekekasmim satta satta katvā ekādasasu padesu sattasattari. Imasmim sutte vipassanāpaṭivipassanā kathitā. Catutthaṃ.